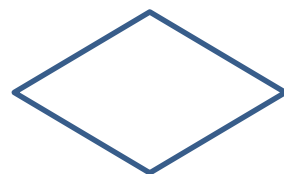
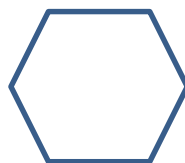


I. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm): Chọn đáp án đúng và ghi lại đáp án vào bài làm.

Câu 1: Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. $20 \in BC(4; 10)$ B. $36 \in BC(14; 18)$
C. $45 \in BC(4; 5; 15)$ D. $30 \in BC(5; 7; 10)$

Câu 2: Quan sát các hình dưới đây, hình nào là hình thang cân.



- A. Hình 1. B. Hình 4. C. Hình 3 D. Hình 2.

Câu 3: Tập hợp các số nguyên kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Z}$ C. $\mathbb{N}^*$ D. $\mathbb{Z}$

Câu 4: Kết quả của phép chia: $345 : (-5)$ bằng bao nhiêu?

- A. 69 B. -69 C. 340 D. 350

Câu 5: Quan sát bảng dữ liệu ban đầu cho biết điểm kiểm tra giữa kì I môn Toán của các bạn trong tổ 1 lớp 6C, rồi chọn đáp án đúng.

7	3	8	9	6	7
9	6	10	5	4	8

- A. Tổ 1 lớp 6C có 10 học sinh.
B. Số bạn đạt điểm 8 là 3 bạn.
C. Số bạn dưới 5 điểm là 1 bạn.
D. Số bạn đạt điểm từ 7 trở lên chiếm hơn nửa tổng số bạn trong tổ.

Câu 6: Kết quả phân tích số 56 ra thừa số nguyên tố là $56 = ?$

- A. $2^3 \cdot 7$ B. $2^4 \cdot 7$ C. $2^2 \cdot 7$ D. $2^2 \cdot 7^2$

Câu 7: Hình vuông có chu vi là 36cm. Cạnh của hình vuông đó là

- A. 36cm B. 9cm C. 6cm D. 4cm

Câu 8: Trên tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, các ước của 5 là

- A. -1 và 1 B. 5 và -5 C. 1; -1; 5 D. 1; -1; 5; -5

Câu 9: Giá trị của biểu thức $(-3456) - (2000 - 3456)$ là

- A. 3456 B. 2000 C. -2000 D. -3456

Câu 10: Cho các số nguyên: 1; 3; -3; -5. Cách sắp xếp nào sau đây là đúng?

A. $-3 < -5 < 1 < 3$

B. $-5 < -3 < 1 < 3$

C. $1 < -3 < -5 < 3$

D. $1 < 3 < -3 < -5$

Câu 11: Chọn câu trả lời đúng

A. Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên âm.

B. Tích của hai số nguyên dương là một số nguyên dương.

C. Hiệu hai số nguyên âm là nguyên âm.

D. Hiệu hai số nguyên âm là nguyên dương.

Câu 12: Tìm tổng các số nguyên x, biết: $-5 < x < 5$

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

II. Phần tự luận (7,0 điểm):

Câu 1: (1,5 điểm) Tính hợp lí:

a. $(-36) + 26 + (-7) + 27$

(0,5 điểm)

b. $(-4)^3 \cdot 75 - 5 \cdot (-4)^3 + 30 \cdot (-4)^3$

(1,0 điểm)

Câu 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:

a. $22 - x = -60$

(0,5 điểm)

b. $-13 < x \leq 5$

(0,5 điểm)

c. $(x - 1) \cdot 15 - 20 = -200$

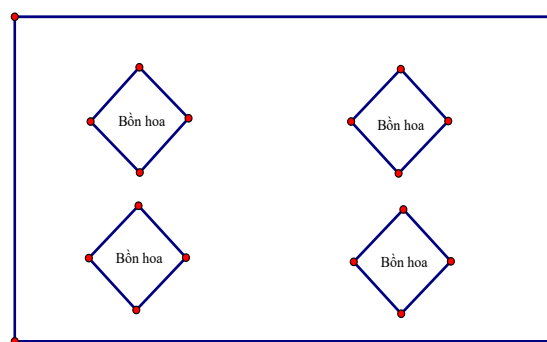
(1,0 điểm)

Câu 3: (1,5 điểm) Một trường A có sân trường hình chữ nhật (như hình vẽ): Biết chiều dài là 30 mét, chiều rộng là 20 mét và 4 bồn hoa hình vuông có cạnh là 2 mét.

a. Tính chu vi của sân trường. (0,5 điểm)

b. Tính diện tích phần sân chơi (phần còn lại của sân trường). (0,5 điểm)

c. Nhà trường muốn trồng cỏ toàn bộ phần sân chơi. Nhà trường phải trả bao nhiêu tiền để mua cỏ. Biết mỗi mét vuông cỏ là 750 ngàn đồng. (0,5 điểm)



Câu 4: (1,5 điểm) Điểm kiểm tra HKI của các bạn tổ 1 và tổ 2 lớp 6A được ghi lại ở bảng sau:

8	7	9	10	10	7	7	8	9	10
8	8	9	9	8	10	10	7	9	9

a) Tổ 1 và tổ 2 có bao nhiêu học sinh? (0,5 điểm)

b) Hãy lập bảng thống kê tương ứng (1,0 điểm)

Câu 5: (0,5 điểm) Tìm số nguyên n, biết: $(2n + 10) : (2n - 3)$

-HẾT-

ĐỀ A

I. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
Đáp án	A	D	B	B	D	A	B	D	C	B	B	A

II. Phần tự luận (7,0 điểm):

	ĐÁP ÁN	Thang điểm
Câu 1: (1,5 điểm) Tính hợp lí:	a) $(-36) + 26 + (-7) + 27$	
	$= [(-36) + (-7)] + (26 + 27)$	0,25
	$= (-43) + 53$	
	$= 10$	0,25
	b) $(-4)^3 \cdot 75 - 5 \cdot (-4)^3 + 30 \cdot (-4)^3$	
	$= (-4)^3 \cdot (75 - 5 + 30)$	0,25*2
	$= -64 \cdot 100$	0,25
	$= -6400$	0,25
Câu 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:	a) $22 - x = -60$	
	$x = 22 - (-60)$	0,25
	$x = 82$	0,25
	b) $-13 < x \leq 5$	
	$x \in \{-12; -11; -10; \dots; 3; 4; 5\}$	0,5
	c) $(x - 1) \cdot 15 - 20 = -200$	
	$(x - 1) \cdot 15 = -200 + 20$ $(x - 1) \cdot 15 = -180$	0,5
	$x - 1 = -180 : 15$ $x - 1 = -12$	0,25

	$x = -12 + 1$ $x = -11$	0,25									
Câu 3: (1,5 điểm)	a) Chu vi của sân trường là: $(30 + 20) . 2 = 100$ (m)	0,5									
	b) Diện tích phần sân chơi là: $30 . 20 - 2 . 2 . 4 = 584$ (m ²)	0,5									
	c) Số tiền nhà trường phải trả cho phần cỏ là: $584 . 750000 = 438000000$ đồng	0,5									
Câu 4: (1,5 điểm)	a) Tổ 1 và tổ 2 có 20 học sinh	0,5									
	b) <table><tr><td>Điểm số</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>Học sinh đạt được</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>5</td></tr></table>	Điểm số	7	8	9	10	Học sinh đạt được	4	5	6	5
Điểm số	7	8	9	10							
Học sinh đạt được	4	5	6	5							
Câu 5: (0,5 điểm) Tính nhanh:	$(2n + 10) : (2n - 3)$										
	Ta có: $(2n - 3) + 13 : (2n - 3)$ Vì $(2n - 3) : (2n - 3)$ nên $13 : (2n - 3)$ Suy ra $2n - 3 \in U'(13)$ $2n - 3 \in \{1; 13; -1; -13\}$ $n \in \{2; 8; 1; -5\}$	0,25									
		0,25									

-HẾT-

***Lưu ý:** Học sinh làm cách khác, giáo viên vận dụng thang điểm để chấm.

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK I – TOÁN 6

[illegible]

	THỰC TIỄN (9 tiết)	Hình thang cân										
		Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	1 (TN 7) 0,25đ			1 (TL 3a, 3b) 1,0đ			1 (TL 3c) 0,5đ			
4	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ (3 tiết)	Thu thập và phân loại dữ liệu	1 (TN 5) 0,25đ							1,75	17,5 %	
		Biểu diễn dữ liệu trên bảng				1 (TL 4) 1,5đ						
Tổng: Số câu Số điểm			12 3,0	0 0	0 0	3 3,0	0 0	4 3,0	2 1,0	21 10		
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		100 %	100 %
Tỉ lệ chung			60%				30%			100 %	100 %	

B. BẢN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GHK I – TOÁN 6

TT	Chương / Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
ĐẠI SỐ							
1	SỐ TỰ NHIÊN (24 tiết)	Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	– Nhận biết được bội chung của hai số.	1 (TN 1) 0,25đ			
		Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.	– Nhận biết được cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố	1 (TN 6) 0,25đ			
2	SỐ NGUYÊN (21 Tiết)	Số nguyên âm và tập hợp số nguyên	– Nhận biết được kí hiệu của số nguyên.	1 (TN 5) 0,25đ			

		Thứ tự trong tập hợp số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số nguyên.	1 (TN 10) 0,25đ			
			Thông hiểu: – Tìm được các số nguyên x.		1 (TL 2b) 0,5đ		
		Phép cộng và phép trừ hai số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được cách tính phép cộng và phép trừ trong số nguyên.	2 (TN 9, 12) 0,5đ			
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất để thực hiện các phép tính. – Vận dụng được để tìm được các số nguyên x.			2 (TL 1a, 2a) 1,0đ	
		Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được cách tính phép nhân và phép chia trong số nguyên.	3 (TN 4,8,11) 0,75đ			
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất để thực hiện các phép tính. – Vận dụng được để tìm được các số nguyên x.			2 (TL 1b, 2c) 2,0đ	
			Vận dụng cao: – Tìm được các số nguyên x.				1 (TL 5) 0,5đ

		Thu thập và phân loại dữ liệu	Nhận biết: – Nhận biết được cách phân loại dữ liệu.	1 (TN 5) 0,25đ			
		Biểu diễn dữ liệu trên bảng	Thông hiểu: – Biết được cách biểu diễn dữ liệu.		1 (TL 4) 1,5đ		
Hình học							
1	CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN (9 tiết)	Hình chữ nhật – Hình thoi – Hình bình hành – Hình thang cân	Nhận biết: – Nhận biết được thang cân.	1 (TN 2) 0,25đ			
		Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	Nhận biết: – Nhận biết được công thức tính chu vi và diện tích của các hình trong thực tiễn.	1 (TN 7) 0,25đ			
			Thông hiểu: – Tìm được chu vi và diện tích.		2 (TL 3a, 3b) 1,0đ		
			Vận dụng cao: – Vận dụng được cách tiền mua cỏ nhân tạo.				1 (TL 3c) 0,5đ
		Tỉ lệ %		30	30	30	10